TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 107/2024/HS-ST Ngày 23–9–2024	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cù Thị Lan, ông Phạm Hữu Dụng, ông Kpă Y Khoa.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Trường Xuân – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 98/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Trúc M**; sinh năm 1998 tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị H; có chồng là Hoàng Văn L (không đăng ký kết hôn), chưa có con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/10/2023 hiện đang giam – có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Mai Thị Ngọc A, Văn phòng L5 – Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Bị hại:

1. Ông Hoàng Xã L1, sinh năm 1966; trú tại: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.
2. Ông Phạm Văn L2, sinh năm 1991; trú tại: Tổ B, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.
3. Ông Nông Trung T1, sinh năm 1992; trú tại: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – có mặt.
4. Bà Hoàng Thị L3; sinh năm 1993; trú tại: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh

Đắk Nông. (Chỗ ở hiện tại: Số A, đường A, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh) – vắng mặt. 5. Chị Đào Thị Trúc N, sinh năm 1997; trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên – vắng mặt. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022 Trần Thị Trúc M, làm nghề môi giới, kinh doanh bất động sản tại thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 02/2022, M dùng số căn cước công dân 054198004669, cấp ngày 28/6/2022 của M để tạo tài khoản "*Mytran0908*" trên ứng dụng FB88.com liên kết với số tài khoản 19034120312017 mở tại Ngân hàng T2 và số tài khoản 25382397 mở tại Ngân hàng A1 của M để tham gia chơi các trò chơi cá cược bằng tiền trên mạng internet, các trò chơi này là dạng trò chơi đánh bạc được thua bằng tiền ảo và có thể chuyển thành tiền thật qua các ứng dụng thanh toán tiền online. Cụ thể là theo hướng dẫn của trang mạng FB88.com sau khi đăng nhập bằng tài khoản đã đăng ký ở trên thì M sử dụng tài khoản Ngân hàng đã đăng ký với trang FB88.com để chuyển tiền vào tài khoản do trang mạng FB88.com yêu cầu để tham gia đặt cược chơi các trò chơi có trên ứng dụng này, theo quy đổi trên ứng dụng thì 1 điểm = 1000 đồng nghĩa là khi nạp vào tài khoản 1000 đồng tương đương với 1 điểm dùng để đặt cược khi chơi trò chơi. Trường hợp người chơi thua thì sẽ mất số tiền tương ứng đã đặt cược, trường hợp người chơi thắng thì trong tài khoản trên ứng dụng sẽ cộng số điểm tương ứng và M có thể vào phần rút tiền trên ứng dụng để thực hiện lệnh rút tiền và tiền sẽ được chuyển vào tài khoản Ngân hàng đã đăng ký với trang FB88.com của M. Dẫn đến tháng 08/2022, M không còn kinh doanh bất động sản và không làm thêm công việc gì để có thu nhập nhưng để có tiền đánh bạc trên mạng, tiêu xài cá nhân và trang trải các khoản nợ mà trước đó M đưa ra thông tin để vay mượn nên M đã đưa ra thông tin gian dối về việc mình vẫn còn kinh doanh bất động sản để ông Hoàng Xã L1 và những người quen khác là anh Phạm Văn L2, anh Nông Trung T1, chị Hoàng Thị L3 và chị Đào Thị Trúc N, tiếp tục chuyển tiền cho bị cáo M, cụ thể:

1. Đối với ông Hoàng Xã L1: Tháng 02/2022, Trần Thị Trúc M lập gia đình với anh Hoàng Văn L. Sau đám cưới, M và chồng sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh và làm nghề môi giới, kinh doanh bất động sản. Do cần vốn nên M nói với bố chồng là ông H1 Xã Luận rằng mình đang kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản trên địa bàn các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh, nếu có nguồn vốn nào thì ông L1 có thể vay, mượn giúp M để M làm ăn kiếm lời, khi nào giao dịch xong các thửa đất M sẽ trả lại đầy đủ thì ông L1 đồng ý. Trong khoảng

thời gian từ tháng 02/2022 đến cuối tháng 7/2022, ông L1 đã nhiều lần vay, mượn tiền của nhiều người với tổng số tiền: 6.372.000.000 đồng rồi trực tiếp đến Ngân hàng N3 (A2) tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để chuyển tiền cho M, đồng thời ông L1 còn nhờ những người thân đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Bắc Giang và Bắc Ninh chuyển tiền cho M bằng hình thức chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng của M bao gồm: Số tài khoản 19034120312017 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K1 (T2) chi nhánh thành phố H và số tài khoản 25382397 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A1) chi nhánh thành phố H. Sau khi nhận tiền của ông L1 xong thì M dùng để kinh doanh mua bán đất và dùng tham gia chơi các trò chơi cá cược bằng tiền trên mạng FB88.com, các trò chơi này là dạng trò chơi đánh bạc được thua bằng tiền ảo và có thể chuyển thành tiền thật qua các ứng dụng thanh toán tiền online, từ tháng 02/2022 đến cuối tháng 7/2022 M đã chuyển trả co ông L1 tổng số tiền 3.815.400.000 đồng (ông L1 không rõ trả gốc, lãi cho khoản vay nào do có lúc trả xong lại tiếp tục vay rồi chuyển cho M). Đến tháng 8/2022, do dùng tiền của ông L1 gửi trước đó để tham gia đánh bạc trên trang mạng FB88.com và việc kinh doanh thua lỗ M không còn kinh doanh bất động sản và không làm thêm công việc gì để có thu nhập nhưng để có tiền đánh bạc trên mạng, tiêu xài cá nhân và trang trải các khoản nợ trước đó nên M đã đưa ra thông tin gian dối về việc mình vẫn còn kinh doanh bất động sản để ông L1 tin tưởng chuyển tiền. Đến khoảng tháng 01/2023 thì ông L1 và bà Phạm Thị R (mẹ chồng M) vào sinh sống chung với vợ chồng M tại thành phố Hồ Chí Minh, thời gian này ông L1 và bà R hỏi M về số tiền đã chuyển và nói trả lại tiền để ông L1 gửi trả cho những người mà ông L1 đã vay thì M đã nói dối với ông L1 là M làm ăn kinh doanh thua lỗ và bị người khác lừa tiền. Thấy ông L1 vẫn nhiều lần hỏi về số tiền đã chuyển nên M đã nói dối với ông L1 là M còn một số bất động sản ở thành phố T, M sẽ bán đi rồi khắc phục trả nợ. Sau đó, M đã tự soạn thảo ra một số hợp đồng mua bán, đặt cọc đất giả để cho ông L1 tin tưởng My V đang còn kinh doanh bất động sản và chuyển tiền cho M. Từ tháng 8/2022 đến tháng 3/2023 ông L1 đã chuyển cho M tổng số tiền 10.872.000.000 đồng, M đã chuyển trả cho ông L1 tổng số tiền: 8.272.000.000 đồng. Tổng số tiền từ tháng 02/2022 đến tháng 3/2023 ông L1 chuyển cho M là 17.244.000.000 đồng, M chuyển trả lại cho ông L1 tổng số tiền là 12.087.400.000 đồng, số tiền M chiếm đoạt của ông L1 là **5.156.600.000 đồng**.

2. Đối với anh Phạm Văn L2: Thông qua mối quen hệ quen biết, Trần Thị Trúc M vận động anh L2 góp vốn đầu tư kinh doanh bất động sản ở thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai, để kiếm lợi nhuận bằng cách khi nào bán được đất thì sẽ trả số tiền gốc và chia tiền lời. Tin tưởng vào lời M nói, anh L2 đã đồng ý góp vốn đầu tư kinh doanh đất đai, từ ngày 28/9/2022 đến ngày 30/12/2022, anh L2 chuyển cho M tổng số tiền 9.250.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền M không thực hiện như thỏa thuận mà dùng để tham gia đánh bạc trên trang "FB88.com" và dùng để trả nợ xoay vòng cho những người mà M đang nợ

trước đó. Sau đó, anh L2 nhiều lần hỏi về số tiền đã chuyển cho M để đầu tư kinh doanh đất đai, do lo sợ nên M đã tự soạn thảo một bản thỏa thuận thanh toán ngày 02/10/2022, gửi cho anh L2 và nói là M đang có hợp đồng mua bán đất 15.000.000.000 đồng. Anh L2 trực tiếp kiểm tra thì phát hiện hợp đồng mà M gửi cho anh L2 xem là không có thật, sau đó M đã trả lại cho anh L2 số tiền 250.000.000 đồng, M chiếm đoạt của anh L2 số tiền **9.000.000.000 đồng**.

3. Đối với chị Hoàng Thị L3: Vào tháng 12/2022, thời điểm này M không còn kinh doanh bất động sản và đang bị nhiều người đòi nợ nên M đã đưa thông tin gian dối là M đang cần tiền để đóng thuế những thửa đất My đang kinh doanh tại tỉnh Đồng Nai, để chị Hoàng Thị L3 tin tưởng chuyển tiền. Vì M là chị dâu của chị L3 nên chị L3 tin tưởng đồng ý chuyển cho M, từ ngày 20/12/2022 đến ngày 31/01/2023, chị Luân chuyển cho M tổng số tiền là 785.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của chị L3 thì M dùng để trả nợ xoay vòng cho những người mà M nợ trước đó, đánh bạc trên trang mạng "*FB88.com*" và chi tiêu vào việc cá nhân dẫn đến không còn khả năng trả lại tiền cho chị L3. Sau đó chị L3 đã nhiều lần yêu cầu trả lại số tiền trên thì M trả lại được cho chị L3 số tiền là 60.000.000 đồng. Số tiền còn lại **725.000.000 đồng** M chiếm đoạt của chị L3.

4. Đối với anh Nông Trung T1: Vào ngày 07/03/2023, khi M cùng chồng là Hoàng Văn L đang ở Thành phố Hồ Chí Minh thì có đi uống cà phê với anh Nông Trung T1. Khi đang ngồi uống cà phê thì M nói với T1 đang đầu tư một lô đất ở huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và hỏi T1 có đầu tư mua cùng để bán ra kiếm tiền lời chênh lệch không. M nói với anh T1 là đã tìm được người mua (đầu ra) cho lô đất trên và bảo T1 là có bao nhiêu tiền thì góp vào rồi khi bán được đất thì M sẽ trả lại tiền gốc mà anh T1 đã đầu tư, còn tiền lời thì sẽ chia theo tỷ lệ ai đầu tư nhiều tiền thì sẽ được chia tiền lời nhiều hơn thì anh T1 tin tưởng đồng chuyển cho M số tiền là **350.000.000 đồng**. Đến ngày 10/3/2023, M tiếp tục đưa ra thông tin gian dối nói với anh T1 là người mua (đầu ra) của lô đất trên muốn mua thêm lô đất bên cạnh và hỏi anh T1 là có đầu tư thêm không để kiếm tiền lời chênh lệch và hẹn anh T1 đến ngày 14/3/2023, sau khi công chứng đất tại huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xong sẽ chuyển lại cho anh T1 số tiền gốc là 550.000.000 đồng và tiền lời chênh lệch. Nghe vậy, anh T1 tin tưởng đồng ý đầu tư kinh doanh và chuyển cho M số tiền là **200.000.000 đồng**. Đến ngày 14/3/2023 khi anh T1 hỏi về việc chuyển tiền cho anh T1 thì M đã chụp giao dịch chuyển tiền thành công việc bán xong hai lô đất mà T1 đầu tư với số tiền là 1.430.000.000 đồng, do M dùng ứng dụng Beautiful trên điện thoại để chỉnh sửa nhằm làm T1 tin tưởng việc M đã mua bán đất đai tại huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, tuy nhiên do lỗi chuyển tiền của Ngân hàng nên M chưa nhận được tiền nhưng thực tế là sau khi nhận được tiền của T1 thì M không đầu tư kinh doanh đất đai như đã nói. Ngày 15/3/2023, M tiếp tục đưa ra thông tin gian dối hỏi mượn tiền của anh T1 để chuộc lại ngôi nhà của M ở tỉnh Phú Yên rồi sẽ trả lại cho T1 toàn bộ số tiền anh T1 đầu tư kinh doanh đất đai và tiền mượn để chuộc lại nhà cùng với tiền lời chênh

lệch khi bán đất vào ngày 16/3/2023. Do tin tưởng nên anh T1 đã chuyển cho M số tiền là **150.000.000 đồng**. M chiếm đoạt của anh T1 tổng số tiền **700.000.000 đồng**.

5. Đối với Đào Thị Trúc N: Từ khoảng tháng 02/2022 đến tháng 12/2022 M đưa ra thông tin gian dối cần tiền để kinh doanh đất, vì M và chị N là bạn bè nên chị N đã tin tưởng nhiều lần chuyển tiền cho M với tổng số tiền **500.000.000 đồng**. Sau khi nhận được tiền của chị N thì M không đầu tư kinh doanh đất đai như đã nói. Ngày 22/12/2022, M tiếp tục đưa ra thông tin gian dối cần tiền để kinh doanh đất. Do tin tưởng nên chị N đồng ý và chuyển cho M số tiền **220.000.000** đồng. Ngày 20/01/2023, M hỏi chị N có muốn mua lại căn nhà và thửa đất số 607, tờ bản đồ số 29 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 705367 cấp ngày 19/12/2022 tại địa chỉ thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, với giá 700.000.000 đồng không thì N đồng ý mua lại. Sau đó, chị N đã chuyển cho M số tiền **100.000.000 đồng** để đặt cọc căn nhà trên. Sau khi nhận tiền M chiếm đoạt không thực hiện như thỏa thuận, đến ngày 30/01/2023, M bán căn nhà trên cho ông Phạm Thành Đ với giá 900.000.000 đồng. Ngày 10/3/2023, M tiếp tục đưa ra thông tin gian dối cần tiền để kinh doanh đất, vì là bạn bè nên chị N tin tưởng đồng ý chuyển cho M số tiền là **30.500.000 đồng**. M đã chiếm đoạt của chị N tổng số tiền: **850.500.000 đồng**.

Số tiền chiếm đoạt có được thì M sử dụng số tiền này để tiêu xài vào mục đích cá nhân, trả tiền gốc và tiền lãi xoay vòng cho những người đã chuyển tiền cho M *(nhận tiền của người này rồi lấy số tiền vừa nhận chuyển cho người khác để đóng tiền gốc, tiền lãi đã My vay*). Ngoài ra, M còn dùng số tiền đã nhận để tiếp tục tham gia đánh bạc trên ứng dụng FB88.com.

Tại bản kết luận giám định số 565/KL-KTHS, ngày 02/6/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ viết, chữ ký tại dưới mục BÊN C trên Biên bản thỏa thuận cam kết thanh toán ngày 13/02/2023, dưới mục ĐẠI DIỆN BÊN B trên Hợp đồng thỏa thuận thanh toán ngày 02/10/2022, dưới mục BÊN A trên Hợp đồng đặt cọc ngày 02/10/2022, dưới mục BÊN C trên Biên bản thỏa thuận cam kết thanh toán ngày 13/02/2023, dưới mục BÊN B trên Hợp đồng đặt cọc ngày 20/01/2023 là của Trần Thị Trúc M ký, viết ra và các dấu vân tay trên các Biên bản thỏa thuận cam kết thanh toán ngày 13/02/2023, Hợp đồng thỏa thuận thanh toán ngày 02/10/2022, Hợp đồng đặt cọc ngày 02/10/2022, Biên bản thỏa thuận cam kết thanh toán ngày 13/02/2023, Hợp đồng đặt cọc ngày 20/01/2023 là của Trần Thị Trúc M. Còn hai dấu vân tay dưới mục BÊN B trên Hợp đồng đặt cọc ngày 02/10/2022 và dưới mục BÊN B trên Hợp đồng đặt cọc ngày 20/01/2023 không trùng với các dấu vân tay của Trần Thị Trúc M.

Tại bản Cáo trạng số 140/CT-VKS-P4 ngày 29/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trần Thị Trúc M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội

của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Trúc M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 đến 19 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; tuy nhiên bị cáo cho rằng ông Hoàng Văn L, là chồng của bị cáo, đã cùng với bị cáo đưa ra thông tin gian dối để các bị hại chuyển tiền và sử dụng số tiền này để trả nợ xoay vòng các khoản vay và cả hai cùng tham gia đánh bạc online nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của ông L.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo.

Bị hại Nông Trung T1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm, xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên toà, lời khai của bị cáo trong hồ sơ vụ án; lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định, từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023, bị cáo Trần Thị Trúc M đã đưa ra thông tin gian dối về việc đầu tư mua bán bất động sản và các hợp đồng về giao dịch bất động sản để ông Hoàng Xã L1, ông Nông Trung T1, ông Phạm Văn L2, bà

Hoàng Thị L3 và chị Đào Thị Trúc N tin tưởng chuyển cho bị cáo tổng số tiền là 16.432.100.000 đồng; bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] **Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] **Các biện pháp tư pháp:**

[4.1] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu bồi thường của các bị hại là chính đáng. Do đó cần căn cứ Điều 584, Điều 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Buộc bị cáo Trần Thị Trúc M phải bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau:

Bồi thường cho ông H1 Xã Luận số tiền **5.156.600.000 đồng;**

Bồi thường cho ông Phạm Văn L2 số tiền **9.000.000.000 đồng;**

Bồi thường cho ông Nông Trung T1 số tiền **700.000.000 đồng;**

Bồi thường cho bà Hoàng Thị L3 số tiền **725.000.000 đồng;** Bồi thường cho chị Đào Thị Trúc N số tiền **850.500.000 đồng**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4.2] Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 Pro Max màu xanh đã qua sử dụng, mặt sau của điện thoại bị bể số IMEI 1:

353324651315126, số IMEI 2: 353324651129105 (đã được niêm phong), là phương tiện bị cáo Trần Thị Trúc M sử dụng vào việc phạm tội.

- Đối với 01 Biên bản thỏa thuận cam kết thanh toán đề ngày 13/02/2023, bên A mang tên Cao Mai Thanh H2, bên B mang tên Trần Văn H3, bên C mang tên Trần Thị Trúc M; 01 Hợp đồng thỏa thuận thanh toán đề ngày 02/10/2022, bên A mang tên Phan Văn N1, bên B mang tên Trần Thị Trúc M; 01 Hợp đồng đặt cọc đề ngày 02/10/2022, bên nhận đặt cọc (bên A) mang tên Phan Văn N1 và Trần Thị Trúc M, bên đặt cọc (bên B) mang tên Phan Anh K; 01 Biên bản thỏa thuận cam kết thanh toán đề ngày 13/02/2023, bên A mang tên Trần Đ1, bên B mang tên Trần Văn H3, bên C mang tên Trần Thị Trúc M; 01 Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/01/2023, bên nhận cọc (bên A) mang tên Nguyễn C và Nguyễn Thị Lệ L4, bên đặt cọc (bên B) mang tên Huỳnh Văn N2, bên làm chứng (bên C) mang tên Trần Thị Trúc M và 01 đĩa DVD chứa nội dung ghi âm giữa Trần Thị Trúc M và bà Phạm Thị R, giữa Trần Thị Trúc M và chị Hoàng Thị L3, là vật chứng của vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 máy vi tính cá nhân nhãn hiệu DELL Inspiron 3580, P: Intel(R) Core(TM) I7-8565U CPU @ 1.80GHz (8 CPUs), Device ID: 36F316D4-91E04301-8505-56A254B48650, Product ID: 00327-35855-97759-AAOEM. Quá trình điều tra xác định là tài sản của Hoàng Văn L, anh L không biết bị cáo Trần Thị Trúc M sử dụng máy vi tính để soạn thảo các hợp đồng giả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho Hoàng Văn L nhận quản lý, sử dụng, là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Trúc M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Trong vụ án này, ông Hoàng Văn L có đơn tố cáo Trần Thị Trúc M trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến ngày 09/01/2023, bị cáo có hành vi chiếm đoạt tổng số tiền là 1.280.000.000 đồng của ông L. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định giữa ông Hoàng Văn L và Trần Thị Trúc M có mối quan hệ vợ chồng không phân chia tài sản riêng. Ngoài số tiền 1.280.000.000 đồng ông L chuyển cho bị cáo trước ngày 10/01/2023 thì sau đó trong khoảng thời gian từ ngày 12/01/2023 đến ngày 10/3/2023 giữa bị cáo và ông L phát sinh nhiều giao dịch chuyển tiền, cụ thể: Từ ngày 12/01/2023 đến ngày 07/3/2023 bị cáo chuyển cho anh L tổng số tiền 531.000.000 đồng, từ ngày 17/01/2023 đến ngày 10/3/2023 anh L chuyển cho bị cáo tổng số tiền 348.500.000 đồng. Qua đó cho thấy giữa bị cáo và ông L chưa tách bạch được về mặt tài sản và vẫn thường xuyên chuyển tiền qua lại với nhau để cùng làm ăn chung nên việc ông L tố cáo bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 1.280.000.000 đồng là không có căn cứ.

[7] Đối với vụ việc chị Đào Thị Trúc N tố cáo bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị N số tiền là 460.105.000 đồng thông qua việc chị N đặt cọc số tiền trên cho M để mua thửa đất số 607, tờ bản đồ số 29, diện tích 130,5 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 705367, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 09/12/2022. Quá trình điều tra thể hiện số tiền trên là tiền mẹ của bị cáo là bà Trần Thị H nợ chị N, sau đó bị cáo đã nói với chị N là số tiền trên sẽ tính luôn vào tiền đặt cọc mua thửa đất của bị cáo. Tuy nhiên sau đó bị cáo đã bán thửa đất trên cho người khác. Xét thấy số tiền 460.105.000 đồng bị cáo trả nợ cho chị N thay cho mẹ là bà Trần Thị H là giao dịch dân sự. Ngoài ra trong quá trình điều tra, chị N đã không yêu cầu xử lý đối với số tiền này do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, không đề cập xử lý, là phù hợp.

[8] Quá trình điều tra xác định trong thời gian từ tháng 02/2022 đến tháng 3/2023, khi sinh sống tại địa chỉ B N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã sử dụng điện thoại di động để đăng nhập và tạo tài khoản "*Mytran0908*" để tham gia đặt cược được thua bằng tiền trên trang mạng FB88.com, chơi các trò chơi trên ứng dụng này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã có Công văn số 457/VPCQCSĐT, ngày 11/3/2024 và Công văn số 705/VPCQCSĐT, ngày 09/4/2024 đề nghị Sở thông tin và truyền thông truy xuất thông tin tạo lập website, tên miền DNS, vị trí máy chủ của website FB88.com. Sở thông tin và truyền thông tỉnh Đ đã có Công văn số 419/STTTT-CNTT, ngày 22/3/2024 và Công văn số 641/STTTT-CNTT, ngày 19/4/2024 trả lời vị trí máy chủ của website FB88.com được đặt tại đất nước Singapore và Canada. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tách hành vi trên của bị cáo Trần Thị Trúc M, chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để tiếp tục kiểm tra xác minh.

[9] Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo trình bày chồng mình là ông Hoàng Văn L đã cùng với bị cáo đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại, rồi sau đó cùng bị cáo dùng số tiền trên để trả nợ xoay vòng các khoản vay của cả hai và tham gia đánh bạc trên trang FB88.com. Tuy nhiên quá trình điều tra ông L không thừa nhận nội dung trên, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện nội dung trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không có đủ căn cứ để xử lý Hoàng Văn L theo nội dung trình bày của bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Trần Thị Trúc M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Trúc M 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 11/10/2023.

*** Các biện pháp tư pháp:**

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Trần Thị Trúc M phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền **16.432.100.000 đồng,** cụ thể như sau:

Bồi thường cho ông H1 Xã Luận số tiền **5.156.600.000 đồng;**

Bồi thường cho ông Phạm Văn L2 số tiền **9.000.000.000 đồng;**

Bồi thường cho ông Nông Trung T1 số tiền **700.000.000 đồng;**

Bồi thường cho bà Hoàng Thị L3 số tiền **725.000.000 đồng;** Bồi thường cho chị Đào Thị Trúc N số tiền **850.500.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 Pro Max màu xanh đã qua sử dụng, mặt sau của điện thoại bị bể số IMEI 1: 353324651315126, số IMEI 2: 353324651129105 (đã được niêm phong), là phương tiện bị cáo Trần Thị Trúc M sử dụng vào việc phạm tội.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 Biên bản thỏa thuận cam kết thanh toán đề ngày 13/02/2023, bên A mang tên Cao Mai Thanh H2, bên B mang tên Trần Văn H3, bên C mang tên Trần Thị Trúc M; 01 Hợp đồng thỏa thuận thanh toán đề ngày 02/10/2022, bên A mang tên Phan Văn N1, bên B mang tên Trần Thị Trúc M; 01 Hợp đồng đặt cọc đề ngày 02/10/2022, bên nhận đặt cọc (bên A) mang tên Phan Văn N1 và Trần Thị Trúc M, bên đặt cọc (bên B) mang tên Phan Anh K; 01 Biên bản thỏa thuận cam kết thanh toán đề ngày 13/02/2023, bên A mang tên Trần Đ1, bên B mang tên Trần Văn H3, bên C mang tên Trần Thị Trúc M; 01 Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/01/2023, bên nhận cọc (bên A) mang tên Nguyễn C và Nguyễn Thị Lệ L4, bên đặt cọc (bên B) mang tên Huỳnh Văn N2, bên làm chứng (bên C) mang tên Trần Thị Trúc M và 01 đĩa DVD chứa nội dung ghi âm giữa Trần Thị Trúc M và bà Phạm Thị R, giữa Trần Thị Trúc M và chị Hoàng Thị L3.

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Thị Trúc M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 124.432.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- Sở tư pháp;
- Cục THADS tỉnh ĐắkLắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh ĐắkLắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh ĐắkLắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh ĐắkLắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh ĐắkLắk;
- Bị cáo;
- .....;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết